

Số: /QĐ-KHTN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chương trình và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-ĐHQG ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT, ngày 28 tháng 06 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 798/QĐ-ĐHQG ngày 25 tháng 06 năm 2025 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định thi điểm một số nội dung về đào tạo trình độ tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chương trình và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2025.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, các đơn vị trực thuộc, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQG-HCM (để báo cáo);
- Lưu: VT, SDH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Trung Nhân

QUY ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH VÀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-KHTN ngày tháng năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM)

Chương 1 QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về chương trình và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM bao gồm: quy định chung, chương trình đào tạo; tổ chức và quản lý đào tạo; hình thức trình bày luận án, tóm tắt luận án; đánh giá luận án; xét tốt nghiệp và cấp bằng; tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn các nhân và đơn vị liên quan; kiểm tra và xử lý vi phạm; tổ chức thực hiện.

2. Quy định này áp dụng đối với các khóa đào tạo trình độ tiến sĩ tuyển sinh từ năm 2025 và do trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM cấp bằng tiến sĩ.

3. Quy định này không áp dụng đối với các chương trình đào tạo tiến sĩ liên kết với cơ sở giáo dục nước ngoài và chỉ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng.

4. Các nội dung không nêu trong quy định này sẽ áp dụng theo Thông tư 18/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (dưới đây gọi là Thông tư 18/2021) và Quyết định số 798/QĐ-ĐHQG, ngày 25/6/2025 của Đại học Quốc gia TP.HCM (dưới đây gọi là Quy định 798).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Đơn vị chuyên môn: là Đơn vị phụ trách ngành đào tạo trình độ tiến sĩ.
2. Trưởng đơn vị chuyên môn: là người phụ trách ngành đào tạo trình độ tiến sĩ.

Điều 3. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo trình độ tiến sĩ là đào tạo những nhà khoa học, có trình độ cao về lý thuyết và năng lực thực hành phù hợp, có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học, công nghệ và có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học, có trình độ ngoại ngữ tốt để có thể trao đổi học thuật tra cứu tài liệu quốc tế.

Điều 4. Hình thức và ngôn ngữ đào tạo

1. Hình thức đào tạo: Chính quy.

1.1. Tập trung toàn thời gian: Nghiên cứu sinh phải dành đủ thời gian học tập, nghiên cứu tại cơ sở đào tạo, trong đó kế hoạch học tập đăng ký đủ 30 tín chỉ trong một năm học.

1.2. Không tập trung: Nghiên cứu sinh phải dành đủ thời gian học tập, nghiên cứu tại cơ sở đào tạo, kế hoạch học tập đảm bảo đúng tiến độ theo quy định Nhà trường.

2. Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt. Các ngành đăng ký đào tạo bằng tiếng Anh hoặc Nghiên cứu sinh có nguyện vọng viết luận án bằng tiếng Anh phải được Hiệu trưởng xem xét và phê duyệt.

Điều 5. Thời gian đào tạo.

1. Thời gian đào tạo chính quy:
 - a) Đối với người học chưa có bằng thạc sĩ: 04 năm học (tính từ ngày nhập học đến thời điểm bảo vệ luận án cấp Đơn vị chuyên môn).
 - b) Đối với người học có bằng thạc sĩ: 03 năm học (tính từ ngày nhập học đến thời điểm bảo vệ luận án cấp Đơn vị chuyên môn).
2. Nghiên cứu sinh có thể hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với thời gian đào tạo chính quy toàn khóa nhưng không sớm hơn quá 01 năm (12 tháng).
3. Trong trường hợp nghiên cứu sinh không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời gian chính quy, Nhà trường sẽ xem xét cho phép nghiên cứu sinh được gia hạn thêm thời gian để tiếp tục nghiên cứu, học tập nhưng tổng thời gian đào tạo không vượt quá 06 năm (72 tháng) tính từ ngày nhập học đến thời điểm bảo vệ luận án cấp Đơn vị chuyên môn.
4. Thời gian đào tạo được tính từ ngày bắt đầu khóa đào tạo theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh đến thời điểm hoàn thành đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn, trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập và thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo.
5. Trong thời gian học chính quy, nếu nghiên cứu sinh được điều động vào lực lượng vũ trang hoặc nghỉ thai sản theo quy định của nhà nước thì thời gian này không tính trong thời gian đào tạo chính quy.

Điều 6. Thu chi trong đào tạo trình độ tiến sĩ

Việc thu, chi trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo quy định thu học phí và quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM (dưới đây viết tắt là Trường ĐH KHTN) áp dụng cho năm học tương ứng.

Chương 2

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 7. Xây dựng chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ do Đơn vị phụ trách ngành đào tạo xây dựng trình Hiệu trưởng phê duyệt và ban hành. Chương trình đào tạo phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Mỗi chương trình đào tạo phù hợp với một ngành đào tạo có tên trong danh mục thống kê ngành đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hoặc ngành thí điểm do Đại học Quốc gia TP.HCM (dưới đây viết tắt là ĐHQG-HCM) phê duyệt;
2. Xác định rõ mục tiêu, chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra, khối lượng kiến thức, cấu trúc chương trình, nội dung chương trình, yêu cầu đối với luận án và công bố khoa học;
3. Đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và quy định về chuẩn chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo (dưới đây viết tắt là Bộ GDĐT).

Điều 8. Loại chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo tiến sĩ chính quy do Trường ĐH KHTN cấp bằng;
2. Chương trình liên kết đào tạo giữa Trường ĐH KHTN với cơ sở đào tạo thuộc ĐHQG-HCM và do Trường ĐH KHTN cấp bằng;

3. Chương trình liên kết đào tạo giữa Trường ĐH KHTN với cơ sở giáo dục đại học nước ngoài và do Trường ĐH KHTN cấp bằng;

4. Chương trình đào tạo liên kết do Trường ĐH KHTN cấp 1 văn bằng và đối tác cấp 1 văn bằng.

Điều 9. Phương thức đào tạo và yêu cầu chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được thực hiện theo hai phương thức:

1. Phương thức 1: Phương thức nghiên cứu chuyên sâu toàn thời gian

a) Nghiên cứu sinh hoàn thành chương trình tiến sĩ như sau: môn Phương pháp nghiên cứu khoa học, thực hiện tiểu luận tổng quan, các chuyên đề tiến sĩ, nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ.

b) Kết quả công bố nghiên cứu khoa học:

- Nghiên cứu sinh là tác giả chính của ít nhất 03 báo cáo hội nghị khoa học, bài báo tạp chí khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi là tạp chí WoS/Scopus) hoặc tương đương, trong đó có ít nhất 01 bài Q2 (hoặc 01 báo cáo hội nghị được xếp hạng B theo bảng xếp hạng uy tín) trở lên và các quy định về công bố khoa học theo yêu cầu của từng ngành đào tạo (nếu có).

2. Phương thức 2: Phương thức nghiên cứu kết hợp các học phần chuyên môn.

a) Nghiên cứu sinh hoàn thành chương trình tiến sĩ như sau: môn Phương pháp nghiên cứu khoa học, các môn học học phần tiến sĩ, thực hiện tiểu luận tổng quan, các chuyên đề tiến sĩ, nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ;

b) Kết quả công bố nghiên cứu khoa học:

- Là tác giả chính của ít nhất 01 báo cáo hội nghị khoa học, hoặc ít nhất 01 bài báo khoa học được công bố trong ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá từ 0.75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế ban hành; các công bố đạt tổng điểm từ 2.0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả) và các quy định về công bố khoa học theo yêu cầu của từng ngành đào tạo (nếu có).

- Ngoài ra có thể thay thế bằng minh chứng là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế.

3. Các bài báo, báo cáo khoa học, kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ phải có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án.

4. Điểm đánh giá tạp chí của các công bố khoa học được tính vào thời điểm bài báo, báo cáo khoa học của nghiên cứu sinh được chấp nhận đăng. (tính theo thư chấp nhận đăng của tạp chí, hội nghị hoặc năm công bố).

5. Đơn vị phụ trách ngành và Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ các cấp phụ trách thẩm định sự phù hợp nội dung các bài báo; báo cáo khoa học; kết quả nghiên cứu; ứng dụng khoa học, công nghệ với nội dung luận án luận án của nghiên cứu sinh

6. Đề xuất và xét công bố khoa học tương đương:

6.1. Đề xuất danh mục tạp chí, hội nghị tương đương danh mục tạp chí, hội nghị của Hội đồng giáo sư nhà nước, bao gồm: hội nghị khoa học, hội thảo khoa học, tạp chí khoa học quốc tế, tạp chí khoa học trong nước. (mẫu 1)

- Tùy theo đặc thù của ngành đào tạo, định kỳ hàng năm Đơn vị chuyên môn đề xuất danh mục tạp chí, hội nghị khoa học tương đương danh mục tạp chí, hội nghị của Hội đồng giáo sư nhà nước thuộc khung điểm đánh giá từ 0.75 điểm trở lên theo ngành đào tạo.

- Thời gian cập nhật danh mục tạp chí, hội nghị theo quy định của Đơn vị chuyên môn.

6.2. Xét duyệt danh mục tạp chí, hội nghị tương đương.

- Căn cứ đề xuất của các Đơn vị chuyên môn, Hội đồng khoa học Khoa họp xem xét đánh giá mức độ tương đương của các tạp chí, hội nghị của từng ngành đối với danh mục tạp chí, hội nghị của Hội đồng giáo sư nhà nước. Hội đồng lập biên bản xét duyệt và danh mục tạp chí, hội nghị tương đương của từng ngành (mẫu 2). Thời gian họp Hội đồng Khoa học Khoa do Trưởng khoa quy định.

- Định kỳ vào tuần cuối tháng 9 hàng năm, các Khoa hoặc Đơn vị phụ trách ngành gửi biên bản xét duyệt và danh mục tạp chí, hội nghị đã được Hội đồng Khoa học Khoa xét tương đương danh mục tạp chí, hội nghị của Hội đồng giáo sư nhà nước thuộc khung điểm đánh giá từ 0.75 điểm trở lên theo ngành đào tạo.

- Định kỳ vào cuối tháng 10 hàng năm, căn cứ theo đề xuất của Hội đồng Khoa học Khoa, Hiệu trưởng phê duyệt quyết định công nhận các tạp chí, hội nghị khoa học tương đương danh mục tạp chí, hội nghị của Hội đồng giáo sư nhà nước thuộc khung điểm đánh giá từ 0.75 điểm trở lên theo ngành đào tạo áp dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

Điều 10. Cấu trúc và chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ nhằm giúp nghiên cứu sinh hoàn chỉnh và nâng cao kiến thức cơ bản; Hiểu biết sâu về kiến thức chuyên ngành; có kiến thức rộng về các ngành liên quan; hỗ trợ NCS rèn luyện khả năng nghiên cứu, khả năng xác định vấn đề và độc lập giải quyết các vấn đề có ý nghĩa trong lĩnh vực chuyên môn, khả năng thực hành cần thiết.

Nội dung chương trình giúp hỗ trợ nghiên cứu sinh học những kiến thức nền tảng, vững chắc về các lý luận của ngành, chuyên ngành; các kiến thức có tính ứng dụng của chuyên ngành; phương pháp nghiên cứu, phương pháp viết các bài báo khoa học và trình bày kết quả nghiên cứu trước các nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế.

2. Phương pháp đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện chủ yếu bằng tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên; coi trọng rèn luyện thói quen nghiên cứu khoa học, phát triển tư duy sáng tạo trong phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên môn

3. Khối lượng kiến thức chương trình đào tạo:

a) Tối thiểu 90 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp thạc sĩ

b) Tối thiểu 120 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có chưa có bằng tốt nghiệp thạc sĩ.

c) Mỗi ngành đào tạo sẽ xây dựng khung chương trình và quy định khối lượng kiến thức chương trình đào tạo riêng nhưng phải đảm bảo số tín chỉ tối thiểu quy định tại mục a, mục b, Khoản 3 Điều 10 này.

4. Cấu trúc chương trình đào tạo bao gồm: học phần bổ túc kiến thức (nếu có), học phần tiến sĩ, học phần nghiên cứu, nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ.

4.1. Học phần bổ túc kiến thức:

a) Nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ: áp dụng đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp thạc sĩ ngành gần với ngành học trình độ tiến sĩ. Căn cứ học phần đã tích lũy ở trình độ thạc sĩ, lĩnh vực nghiên cứu luận án Đơn vị chuyên môn sẽ xác định khối lượng kiến thức nghiên cứu sinh cần học bổ sung các môn học ở chương trình thạc sĩ của ngành tương ứng với ngành học ở trình độ tiến sĩ (xét theo từng trường hợp cụ thể).

b) Nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ: nghiên cứu sinh cần học bổ sung tối thiểu 30 tín chỉ các môn học cơ sở và chuyên ngành ở trình độ thạc sĩ của ngành tương ứng với ngành học ở trình độ tiến sĩ. Đơn vị chuyên môn xác định khối lượng kiến thức nghiên cứu sinh cần học bổ sung (xét theo từng trường hợp cụ thể).

4.2. Học phần tiến sĩ: gồm Tiểu luận tổng quan, môn Phương pháp nghiên cứu khoa học (môn PPNCKH) và các môn học tiến sĩ khác trong khung chương trình đào tạo tiến sĩ của ngành do Đơn vị phụ trách ngành xây dựng và ban hành.

a) Môn Phương pháp nghiên cứu khoa học (3 tín chỉ)

- Là môn bắt buộc đối với Phương thức 1; Phương thức 2 có thể môn bắt buộc hoặc môn tự chọn do Đơn vị phụ trách ngành quy định.

- Việc tổ chức giảng dạy có thể tổ chức là môn chung của các ngành trong cùng Khoa hoặc có thể là môn riêng theo từng ngành đào tạo do Trường khoa quy định.

b) Tiểu luận tổng quan (3 tín chỉ): yêu cầu nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu, từ đó rút ra mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án tiến sĩ; trình bày cơ sở lý thuyết, phương pháp nghiên cứu và các kết quả dự kiến đạt được.

c) Các môn học học phần tiến sĩ áp dụng đối với Phương thức 2 (11 – 12 tín chỉ)

- Đơn vị chuyên môn xây dựng các môn học học phần tiến sĩ giúp người học nâng cao kiến thức chuyên sâu thuộc ngành đào tạo.

- Tổng số tín chỉ các môn học được xây dựng đảm bảo đủ tối thiểu hơn 50% số tín chỉ quy định tối thiểu theo khung chương trình. Một môn học tối thiểu 2 tín chỉ.

4.3. Học phần nghiên cứu (chuyên đề tiến sĩ): yêu cầu nghiên cứu sinh nâng cao năng lực nghiên cứu và tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ.

- Phương thức 1: 5 tín chỉ.

- Phương thức 2: 3 tín chỉ.

4.4. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ:

a) Nghiên cứu khoa học: là nhiệm vụ bắt buộc trong quá trình nghiên cứu thực hiện luận án tiến sĩ.

Nội dung, hướng nghiên cứu khoa học phải phù hợp với mục tiêu của luận án tiến sĩ. Nghiên cứu sinh phải đảm bảo tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu khoa học của mình, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.

Các công trình khoa học công bố của nghiên cứu sinh được tính kể từ sau khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh. hoặc trong thời gian học dự bị tiến sĩ còn thời hạn 2 năm đến ngày trúng tuyển nghiên cứu sinh.

b) Luận án tiến sĩ: là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết vấn đề đặt ra của đề tài luận án.

5. Khung chương trình đào tạo

5.1. Khung chương trình đào tạo theo phương thức 1

Cấu trúc chương trình	Nội dung chương trình, Số tín chỉ	
	NCS đã có bằng thạc sĩ	NCS chưa có bằng thạc sĩ
Học phần BTKT	Môn học chương trình ThS (Xét theo từng trường hợp)	≥ 30 tín chỉ môn học ThS
Học phần tiến sĩ	Môn PP NCKH (3 tín chỉ)	Môn PP NCKH (3 tín chỉ)
	Tiểu luận tổng quan (3 tín chỉ)	Tiểu luận tổng quan (3 tín chỉ)
Học phần nghiên cứu	Chuyên đề tiến sĩ (5 tín chỉ x 2 chuyên đề)	Chuyên đề tiến sĩ (5 tín chỉ x 2 chuyên đề)
Luận án và công bố khoa học	Luận án (74 tín chỉ)	Luận án (74 tín chỉ)
	Công bố khoa học theo yêu cầu tại Điều 9 của Quy định này	Công bố khoa học theo yêu cầu tại Điều 9 của Quy định này
Tổng số tín chỉ	≥ 90	≥ 120

5.2. Khung chương trình đào tạo theo phương thức 2

Cấu trúc chương trình	Nội dung chương trình, Số tín chỉ	
	NCS đã có bằng thạc sĩ	NCS chưa có bằng thạc sĩ
Học phần BTKT	Xét theo từng trường hợp (môn học ctr ThS)	≥ 30 tín chỉ môn học ThS
Học phần tiến sĩ bắt buộc	Tiểu luận tổng quan (3 tín chỉ)	Tiểu luận tổng quan (3 tín chỉ)
Học phần tiến sĩ tự chọn	- Các môn học học phần tiến sĩ (11 – 12 tín chỉ) - Môn PP NCKH (3 tín chỉ)	- Các môn học học phần tiến sĩ (11 – 12 tín chỉ) - Môn PP NCKH (3 tín chỉ)
Học phần nghiên cứu	Chuyên đề tiến sĩ (3 tín chỉ x 2 chuyên đề)	Chuyên đề tiến sĩ (3 tín chỉ x 2 chuyên đề)
Luận án và công bố khoa học	Luận án (70 tín chỉ)	Luận án (70 tín chỉ)
	Công bố khoa học theo yêu cầu tại Điều 9 của Quy định này	Công bố khoa học theo yêu cầu tại Điều 9 của Quy định này
Tổng số tín chỉ	≥ 90	≥ 120

Chương 3

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 11. Quản lý chương trình đào tạo

a) Chương trình đào tạo không thay đổi đối với một khóa tuyển sinh. Việc sửa đổi chương trình đào tạo chỉ được áp dụng với khóa tuyển sinh mới.

b) Ngoài các môn học chung do ĐHQG-HCM quy định, Trường ĐH KHTN được điều chỉnh, bổ sung, cập nhật môn học học phần tiến sĩ khi cần thiết và báo cáo ĐHQG-HCM.

c) Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ ít nhất một lần trong năm (05) năm.

Điều 12. Địa điểm đào tạo

1. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ được tổ chức tại Trường ĐH KHTN (trừ các chương trình liên kết đào tạo với các đơn vị trong và ngoài nước).

2. Nghiên cứu sinh có thể thực hiện nghiên cứu, thí nghiệm hoặc các hoạt động khảo sát ở các cơ sở giáo dục, đơn vị nghiên cứu khác theo thỏa thuận giữa các bên.

Điều 13. Tổ chức giảng dạy và quản lý hoạt động đào tạo

1. Đầu khóa học, Nhà Trường thông báo đến nghiên cứu sinh về các quy định của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, chương trình đào tạo toàn khóa, kế hoạch học tập, các quy định của Trường ĐH KHTN có liên quan đến khóa học.

2. Các lớp học được tổ chức giảng dạy trực tiếp hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến tùy vào tình hình thực tế. Tổng số tín chỉ các học phần được đào tạo theo phương thức trực tuyến không vượt quá 50% tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác Nhà Trường thực hiện theo hướng dẫn của ĐHQG-HCM

3. Các môn học ở học phần bổ túc kiến thức: căn cứ kết quả xét duyệt môn học bổ sung kiến thức của Đơn vị chuyên môn, nghiên cứu sinh sẽ đăng ký học các môn học ở học phần bổ sung theo lịch học của chương trình thạc sĩ cùng ngành hoặc ngành tương ứng.

- Việc đánh giá kết quả môn học bổ túc kiến thức như quy định đánh giá môn học của chương trình thạc sĩ hiện hành.

- Điểm môn học đạt yêu cầu khi điểm trung bình chung môn học ≥ 5.5 điểm.

- Nghiên cứu sinh phải hoàn thành học phần bổ sung kiến thức trong thời gian tối đa 18 tháng kể từ ngày nhập học.

4. Các môn học ở học phần tiến sĩ

4.1. Tiểu luận tổng quan:

Tiểu luận tổng quan: sau 6 tháng đầu của năm thứ 1, nghiên cứu sinh cần hoàn thành tiểu luận tổng quan. Việc đánh giá tiểu luận tổng quan sẽ kết hợp với việc xét duyệt đề cương nghiên cứu luận án tiến sĩ. Do đó trong phần trình bày tiểu luận tổng quan nghiên cứu sinh báo cáo 02 nội dung:

- Tiểu luận tổng quan: báo cáo về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án. Nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, từ đó rút ra mục đích, những vấn đề tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết.

- Đề cương nghiên cứu luận án: Nghiên cứu sinh cần xác định hướng đề tài nghiên cứu, mục tiêu, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, tính khả thi của đề tài và dự kiến kết quả đạt được.

a) Nghiên cứu sinh thực hiện Tiểu luận tổng quan và đề cương nghiên cứu luận án theo hình thức tự học dưới sự hướng dẫn của tập thể giảng viên hướng dẫn trong 6 tháng kể từ ngày nhập học.

b) Tháng thứ 7 kể từ ngày nhập học, Phòng Đào tạo Sau đại học phối hợp Đơn vị chuyên môn tổ chức đánh giá chấm điểm Tiểu luận tổng quan và xét duyệt đề cương nghiên cứu luận án.

c) Việc đánh giá Tiểu luận tổng quan và xét duyệt đề cương luận án được thực hiện theo hình thức báo cáo thuyết trình và do Tiểu ban chuyên môn đánh giá chấm điểm.

- Điểm các thành viên Tiểu ban chấm theo thang điểm 10, chấm lẻ một (01) chữ số thập phân và không làm tròn.

- Chênh lệch điểm giữa các thành viên Tiểu ban không được vượt quá ba (3,0) điểm và không được vượt quá hai (2,0) điểm so với điểm trung bình của Tiểu ban.

- Điểm đánh giá “Tiểu luận tổng quan” đạt yêu cầu khi điểm trung bình chung của các thành viên Tiểu ban đạt từ 7.0 điểm trở lên.

- Tiểu luận tổng quan được báo cáo lại 1 lần và phải sau lần thứ nhất tối thiểu 30 ngày làm việc.

- Sau 2 lần báo cáo nếu “Tiểu luận tổng quan” vẫn chưa đạt yêu cầu, Giảng viên hướng dẫn cần có báo cáo tình hình và khả năng học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh trước khi Nhà trường xem xét cho nghiên cứu sinh báo cáo lần 3.

d) Việc đánh giá “Đề cương nghiên cứu luận án” do tiểu ban chuyên môn nhận xét, đánh giá mức độ khả thi và đáp ứng yêu cầu đối với chất lượng luận án tiến sĩ. Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm xác định hướng nghiên cứu phù hợp với ngành đào tạo.

- “Đề cương nghiên cứu luận án” đạt yêu cầu khi được tất cả thành viên tiểu ban chuyên môn đánh giá “thông qua”.

- Nghiên cứu sinh được báo cáo lại lần 2 trên cơ sở góp ý của Tiểu ban chuyên môn lần 1. Thời gian báo cáo lần 2 sau lần thứ 1 tối thiểu 30 ngày làm việc.

- Mỗi nghiên cứu sinh chỉ được báo cáo đề cương nghiên cứu tối đa 3 lần. Sau 3 lần báo cáo vẫn chưa được Tiểu ban chuyên môn thông qua, Giảng viên hướng dẫn cần có văn bản nhận xét đánh giá khả năng nghiên cứu của nghiên cứu sinh để Nhà trường xem xét việc tiếp tục học tập của nghiên cứu sinh.

đ) Trên cơ sở đề xuất của Đơn vị chuyên môn, Phòng Đào tạo Sau đại học trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập tiểu ban chuyên môn gồm ba (03) thành viên: trưởng tiểu ban, thư ký và ủy viên là người có học vị từ tiến sĩ trở lên và hiểu biết sâu về lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh. Đại diện tập thể giảng viên hướng dẫn có thể tham gia tiểu ban với vai trò là ủy viên. Tiểu ban chuyên môn không tổ chức họp nếu vắng từ 01 thành viên trở lên.

4.2. Các môn học học phần tiến sĩ khác: Đơn vị chuyên môn sẽ triển khai tổ chức giảng dạy các môn học ở học phần tiến sĩ trong thời gian 24 tháng kể từ ngày nhập học.

- Đơn vị chuyên môn sẽ mở các môn học ở học phần tiến sĩ theo khung chương trình đã được Hiệu trưởng phê duyệt. Nếu khóa tuyển có số nghiên cứu sinh < 2 thì sẽ ghép 2

khóa liền kề để mở môn học. Nếu khóa tuyển có số nghiên cứu sinh ≥ 2 thì mở lớp riêng cho khóa trúng tuyển hoặc ghép lớp do Đơn vị chuyên môn thực hiện. Tất cả nghiên cứu sinh của 1 khóa tuyển hoặc 2 khóa liền kề trong trường hợp ghép lớp sẽ học cùng môn học phần tiến sĩ.

- Nghiên cứu sinh phải tập trung học các môn học ở học phần tiến sĩ khi Đơn vị chuyên môn thông báo mở lớp. Các trường hợp không tham gia lớp học xem như tự ý bỏ học và phải học lại cùng khóa sau đồng thời tự túc chi phí học lại.

- Giảng viên chỉ lên lớp hướng dẫn 50% thời lượng quy định của môn học, đồng thời hướng dẫn tài liệu để nghiên cứu sinh tự nghiên cứu và hoàn thành môn học theo đúng thời lượng và nội dung môn học đã ban hành trong khung chương trình.

- Môn học được đánh giá bởi các điểm thành phần (bài tập, kiểm tra giữa kỳ, tiểu luận và thi kết thúc môn học). Số điểm thành phần ít nhất là 2, trong đó điểm thi kết thúc môn học là thành phần bắt buộc. Giảng viên phụ trách môn học sẽ chọn đánh giá điểm thi kết thúc môn theo một trong các hình thức: vấn đáp, seminar hoặc thi viết. Điểm đánh giá môn học là trọng số của các điểm thành phần theo thang điểm 10 lấy lẻ một (01) chữ số thập phân và không làm tròn. (trọng số các thành phần do giảng viên phụ trách môn học quy định)

- Bài thi cuối kỳ theo hình thức thi viết: việc tổ chức thi sẽ do Phòng đào tạo Sau đại học đảm trách và tổ chức cùng với đợt thi kết thúc học phần chung của Nhà trường.

- Bài thi cuối kỳ theo hình thức thi vấn đáp hay báo cáo seminar: do giảng viên sắp xếp lịch báo cáo và thông báo cho Phòng đào tạo Sau đại học được biết.

- Điểm môn học đạt yêu cầu, khi điểm tổng kết môn học đạt từ 5.5 trở lên và nghiên cứu sinh đảm bảo thực hiện thời lượng tham gia lớp học đúng quy định của giảng viên phụ trách môn học.

- Môn học không đạt yêu cầu, nghiên cứu sinh sẽ đăng ký học lại cùng khóa sau và phải tự túc chi phí học lại theo mức thu hiện hành.

5. Học phần nghiên cứu (Chuyên đề tiến sĩ):

Mỗi nghiên cứu sinh cần hoàn thành 2 chuyên đề tiến sĩ trước khi đăng ký bảo vệ luận án cấp Đơn vị chuyên môn. Các chuyên đề phải có nội dung khác nhau và là những kiến thức liên quan trực tiếp đến đề tài luận án, giúp nghiên cứu sinh giải quyết một số nội dung của đề tài luận án (tên chuyên đề tiến sĩ phải khác tên đề tài luận án tiến sĩ)

a) Chậm nhất là vào đầu năm học thứ 2, giảng viên hướng dẫn sẽ gửi phiếu đăng ký chuyên đề tiến sĩ của nghiên cứu sinh (*tên chuyên đề, tóm tắt nội dung chuyên đề*) cho Đơn vị chuyên môn phụ trách ngành đào tạo.

b) Nghiên cứu sinh thực hiện chuyên đề tiến sĩ theo hình thức tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn.

c) Sau khi hoàn tất chuyên đề, được sự đồng ý của giảng viên hướng dẫn, nghiên cứu sinh sẽ nộp báo cáo chuyên đề cho Đơn vị chuyên môn để được báo cáo kết quả.

d) Việc đánh giá các chuyên đề tiến sĩ được thực hiện theo hình thức báo cáo thuyết trình và do Tiểu ban chuyên môn đánh giá chấm điểm.

- Điểm các thành viên Tiểu ban chấm theo thang điểm 10, chấm lẻ một (01) chữ số thập phân và không làm tròn.

- Chênh lệch điểm giữa các thành viên Tiểu ban không được vượt quá ba (3,0) điểm và không được vượt quá hai (2,0) điểm so với điểm trung bình của Tiểu ban.

- Chuyên đề tiến sĩ đạt yêu cầu khi điểm trung bình chung của các thành viên tiểu ban đạt từ 7.0 trở lên.

- Nếu kết quả báo cáo chuyên đề không đạt (dưới 7.0 điểm) thì nghiên cứu sinh được chỉnh sửa chuyên đề theo ý kiến đóng góp của tiểu ban chuyên môn. Thời gian báo cáo lần thứ hai chuyên đề tiến sĩ sau lần thứ nhất tối thiểu 30 ngày làm việc, kể từ khi họp đánh giá lần đầu. Sau 2 lần báo cáo vẫn không đạt, giảng viên hướng dẫn cần báo cáo khả năng học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh trước khi Nhà trường xem xét báo cáo lần thứ ba cho nghiên cứu sinh.

e) Trên cơ sở đề xuất của Đơn vị chuyên môn, Phòng Đào tạo Sau đạo học trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập tiểu ban chuyên môn gồm ba (03) thành viên: trưởng tiểu ban, thư ký và ủy viên là người có học vị từ tiến sĩ trở lên và hiểu biết sâu về lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh. Đại diện tập thể giảng viên hướng dẫn có thể tham gia tiểu ban với vai trò là ủy viên. Tiểu ban chuyên môn không tổ chức họp nếu vắng từ 01 thành viên trở lên.

6. Nghiên cứu khoa học là bắt buộc trong quá trình chương trình đào tạo tiến sĩ

a) Trong quá trình thực hiện đề tài luận án, nghiên cứu sinh cần công bố báo cáo, bài báo khoa học do nghiên cứu sinh là tác giả chính hoặc đồng tác giả chính (*tác giả đứng tên đầu, tác giả liên lạc*); có ghi tên Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM trong công bố khoa học.

Nghiên cứu sinh các ngành thuộc nhóm ngành Toán học và Thống kê thì nghiên cứu sinh có thể không đứng tên đầu trong nhóm tác giả nhưng phải được tập thể tác giả xác nhận nghiên cứu sinh là tác giả chính.

b) Báo cáo, bài báo khoa học liên quan đến kết quả nghiên cứu luận án tiến sĩ trong thời gian học dự bị tiến sĩ và còn trong thời hạn 2 năm kể từ ngày đăng ký học dự bị tiến sĩ đến khi trúng tuyển nghiên cứu sinh được sử dụng trong quá trình làm nghiên cứu sinh chính thức.

c) Các báo cáo, bài báo khoa học của nghiên cứu sinh phải được tập thể cán bộ hướng dẫn thông qua và chấp thuận trước khi tiến hành thủ tục đăng bài.

d) Tiêu chuẩn về các công bố khoa học đối với từng phương thức đào tạo thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 9 của Quy định này.

e) Quy cách viết tên Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM trong công bố khoa học của nghiên cứu sinh: xem chi tiết trong văn bản hướng dẫn việc thực hiện quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ áp dụng từng khóa tuyển sinh.

f) Đơn vị chuyên môn phụ trách ngành có trách nhiệm thẩm định sự phù hợp các công bố khoa học với nội dung luận án và tiêu chuẩn các tạp chí trước khi đề xuất Hội đồng đánh giá luận án cấp Đơn vị chuyên môn.

7. Luận án tiến sĩ: Luận án tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết vấn đề đặt ra của đề tài luận án.

Điều 14. Công nhận tín chỉ, kết quả học tập và nghiên cứu

1. Người học dự bị tiến sĩ được tích lũy không quá 50% số tín chỉ trong chương trình đào tạo tiến sĩ tương ứng. Các bài báo khoa học, kết quả nghiên cứu trong quá trình học dự bị tiến sĩ, liên quan đến đề tài nghiên cứu trình độ tiến sĩ, được sử dụng trong quá trình làm nghiên cứu sinh chính thức.

2. Đối với ngành được tổ chức đào tạo đồng thời ở nhiều cơ sở đào tạo trong hệ thống ĐHQG-HCM, nghiên cứu sinh được đăng ký và tích lũy không quá 25% số tín chỉ học phần giảng dạy ở cơ sở đào tạo khác trong hệ thống ĐHQG-HCM nếu được Đơn vị chuyên môn phụ trách ngành nghiên cứu sinh trúng tuyển đồng ý và Hiệu trưởng phê duyệt.

3. Đối với chương trình trao đổi nghiên cứu sinh, số tín chỉ mà nghiên cứu sinh tích lũy tại cơ sở phối hợp đào tạo khác không vượt quá 25% số tín chỉ của chương trình đào tạo.

4. Việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy của nghiên cứu sinh phải phù hợp với nội dung, yêu cầu của chương trình đào tạo hiện tại, được thực hiện trên cơ sở đề xuất của Đơn vị chuyên môn phụ trách ngành và trong thời gian tối đa 7 năm kể từ năm hoàn thành kết quả học tập, nghiên cứu.

Điều 15. Những thay đổi trong quá trình đào tạo

1. Việc thay đổi đề tài luận án phải phù hợp nội dung nghiên cứu luận án, được tập thể giảng viên hướng dẫn đồng ý và được thực hiện chậm nhất 12 tháng trước khi đăng ký bảo vệ luận án cấp Đơn vị chuyên môn. Trường hợp này nghiên cứu sinh phải được tiểu ban chuyên môn xét duyệt lại đề cương nghiên cứu, tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ (nếu có).

2. Việc điều chỉnh tên đề tài luận án để phù hợp nội dung nghiên cứu luận án được thực hiện trong quá trình nghiên cứu thực hiện luận án nếu được tập thể giảng viên hướng dẫn, Đơn vị chuyên môn và Hiệu trưởng đồng ý. Ngoài ra tên đề tài luận án cũng được điều chỉnh theo đề nghị của Hội đồng đánh giá luận án cấp Đơn vị chuyên môn hoặc Hội đồng đánh giá luận án cấp Cơ sở đào tạo, căn cứ kết luận của Hội đồng Hiệu trưởng ra quyết định công nhận chính thức.

3. Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn chỉ giải quyết khi có lý do chính đáng và được thực hiện chậm nhất trước 12 tháng tính đến ngày kết thúc khóa học theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có). Trừ trường hợp bất khả kháng.

4. Việc chuyển cơ sở đào tạo được xem xét trong trường hợp thời hạn học tập của nghiên cứu sinh còn tối thiểu 12 tháng theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh và cơ sở chuyển đến đang triển khai đào tạo ngành tương ứng ở trình độ tiến sĩ. Thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến tổ chức kiểm tra kiến thức, năng lực nghiên cứu, năng lực ngoại ngữ của nghiên cứu sinh.

Sau khi có sự đồng ý của Hiệu trưởng và nghiên cứu sinh có thể đáp ứng yêu cầu của cơ sở đào tạo chuyển đến, thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến tiếp nhận và ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh với thời gian đào tạo là thời gian học tập còn lại theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh của cơ sở đào tạo trước (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có).

Việc công nhận kết quả học tập đã tích lũy và các học phần mà nghiên cứu sinh cần bổ sung (nếu có) do thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến quyết định.

5. Hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, gia hạn và rút ngắn thời gian học tập:

a) Nghiên cứu sinh được xác định hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu nộp hồ sơ đăng ký bảo vệ luận án chậm nhất là 3 tháng trước khi hết thời gian chính quy và Hội đồng đánh giá cấp đơn vị chuyên môn thông qua trước khi hết thời gian chính quy. Trong vòng 12 tháng kể từ ngày luận án được Hội đồng đánh giá cấp đơn vị chuyên môn thông qua, Nhà trường phải tổ chức đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo.

b) Trong trường hợp nghiên cứu sinh không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, trước khi hết hạn 2 tháng, Nghiên cứu sinh cần nộp đơn đề nghị gia hạn học tập. Thời gian gia hạn tối đa là 24 tháng. Đơn đề nghị gia hạn có sự đồng ý của giảng viên hướng dẫn, Đơn vị chuyên môn và nộp tại Phòng Đào tạo Sau đại học để xem xét giải quyết.

- Điều kiện xét gia hạn: nghiên cứu sinh đã hoàn thành học phần bổ sung kiến thức (nếu có), học phần tiến sĩ, tiểu luận tổng quan.

- Nghiên cứu sinh có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính phát sinh khi gia hạn theo thông báo của Nhà trường.

- Hết thời gian gia hạn, nếu luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn thông qua (bao gồm cả trường hợp cho phép đánh giá lại) hoặc nghiên cứu sinh không thể hoàn thành chương trình đào tạo thì Hiệu trưởng sẽ ra quyết định thôi học nghiên cứu sinh. Kết quả học tập, nghiên cứu được bảo lưu tối đa 7 năm kể từ ngày hoàn thành kết quả học tập, nghiên cứu

c) Nghiên cứu sinh hoàn thành xuất sắc chương trình đào tạo, nghiên cứu sinh có thể đề nghị bảo vệ luận án trước hạn. Hồ sơ đăng ký bảo vệ luận án trước hạn nộp tại Phòng Đào tạo Sau đại học gồm: (1) Đơn đăng ký bảo vệ trước hạn; (2) Kết quả học tập (bảng điểm NCS); (3) Kết quả nghiên cứu (công bố khoa học). Phòng Đào tạo Sau đại học trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho phép nghiên cứu sinh được bảo vệ sớm.

- Hồ sơ đăng ký bảo vệ sớm được giảng viên hướng dẫn và Đơn vị chuyên môn thông qua trước khi nộp tại Phòng Đào tạo Sau đại học.

- Thời hạn nộp hồ sơ đăng ký bảo vệ sớm chậm nhất 6 tháng trước khi hết hạn chính quy.

- Thời hạn bảo vệ sớm không quá 24 tháng kể từ ngày nhập học.

7. Hết thời gian học tập (kể cả thời gian gia hạn) nếu nghiên cứu sinh không thể hoàn thành chương trình đào tạo thì Hiệu trưởng sẽ ra quyết định thôi học nghiên cứu sinh. Nghiên cứu đã thôi học, đăng ký dự tuyển lại và được công nhận là nghiên cứu sinh mới thì việc xét công nhận kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy do Đơn vị chuyên môn phụ trách ngành xem xét đề xuất và trình Hiệu trưởng phê duyệt, tối đa không quá 50% số tín chỉ của chương trình đào tạo.

8. Nghiên cứu sinh không thể hoàn thành chương trình tiến sĩ và có nguyện vọng được tiếp tục theo học chương trình đào tạo thạc sĩ ngành tương ứng nếu đáp ứng những quy định của quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành.

9. Trong quá trình học tập, nghiên cứu sinh được chuyển đổi phương thức đào tạo 1 lần và trước khi hết hạn học tập 1 năm, đồng thời phải đáp ứng yêu cầu của phương thức đào tạo muốn chuyển sang.

Chương 4

TIÊU CHUẨN NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN

CỦA CÁC CÁ NHÂN VÀ ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 16. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

1. Tiêu chuẩn giảng viên:

a) Giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học là người có nhân thân rõ ràng; có phẩm chất, đạo đức tốt; có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với các học phần đảm nhiệm trong chương trình đào tạo. Đối với cán bộ hướng dẫn thực hành hoặc trợ giảng các học phần thuộc các ngành đặc thù có bằng thạc sĩ phải được thủ trưởng cơ sở đào tạo xem xét, đề nghị và trình Giám đốc ĐHQG-HCM phê duyệt;

c) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ giảng dạy, nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế.

2. Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau:

a) Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ;

b) Trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 0,75 điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 01 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành.

3. Nhiệm vụ và quyền của giảng viên.

a) Giảng viên thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục đại học, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018 và những quy định liên quan.

b) Đảm bảo tuân thủ kế hoạch giảng dạy đã công bố; có trách nhiệm phổ biến cho người học đề cương môn học, phương thức đánh giá môn học, lịch trình giảng dạy vào buổi giảng dạy đầu tiên.

c) Tham gia xây dựng chương trình đào tạo, tham gia nghiên cứu khoa học, vận dụng kết quả nghiên cứu vào giảng dạy

d) Được hưởng các chính sách đối với giảng viên trong đào tạo tiến sĩ theo quy định của nhà nước và của Nhà trường.

Điều 17. Tiêu chuẩn, quyền và nhiệm vụ của người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Người hướng dẫn chính, người đồng hướng dẫn, người hướng dẫn phụ và người hướng dẫn độc lập nghiên cứu sinh cần đáp ứng các tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định Điều 17 của Quy định này; trường hợp người hướng dẫn là nhà khoa học người nước ngoài, nhà khoa học Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài thì phải có thỏa thuận về việc hướng dẫn nghiên cứu sinh với Đơn vị chuyên môn và được Hiệu trưởng xét duyệt.

2. Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau:

a) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành, hoặc bài công bố đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế, tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện hoặc có chỉ số ISBN, ISSN; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả); hoặc

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế.

3. Mỗi nghiên cứu sinh có 01 hoặc 02 người hướng dẫn, trong đó có 01 người là cán bộ cơ hữu của Trường ĐH KHTN hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với Trường ĐH KHTN theo quy định của pháp luật; làm việc theo chế độ trọn thời gian tại Trường ĐH KHTN với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

4. Số lượng nghiên cứu sinh đối với người hướng dẫn:

a) Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập tối đa 07 nghiên cứu sinh; người có chức danh phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 05 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập tối đa 03 nghiên cứu sinh. Trường hợp đồng hướng dẫn 01 nghiên cứu sinh được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0.5 nghiên cứu sinh.

b) Xét tăng số lượng hướng dẫn nghiên cứu sinh: Người hướng dẫn được xét tăng số lượng hướng dẫn nếu người hướng dẫn thỏa các điều kiện sau:

- Liên tục trong 3 năm và mỗi năm là tác giả chính ít nhất 03 báo cáo khoa học, bài báo khoa học uy tín, được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus hoặc tương đương tính đến thời điểm đăng ký hướng dẫn nghiên cứu sinh;

- Có các đề tài, dự án hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu sinh;

- Số lượng hướng dẫn nghiên cứu sinh xét tăng thêm không vượt quá 50% số lượng mà người hướng dẫn được phân bổ theo quy định hiện hành;

- Có nhu cầu hướng dẫn nghiên cứu sinh nhiều hơn so với quy định hiện hành.

c) Giảm số lượng hướng dẫn nghiên cứu sinh đối với trường hợp sau:

- Trong 3 năm gần nhất tính đến thời điểm đăng ký hướng dẫn nghiên cứu sinh, người hướng dẫn không có công bố khoa học mới;

- Không có các đề tài, dự án hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu sinh;

- Số lượng hướng dẫn nghiên cứu sinh bị giảm không vượt quá 50% số lượng mà người hướng dẫn được phân bổ theo quy định hiện hành;

5. Nhiệm vụ và quyền của người hướng dẫn:

a) Thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục đại học, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

b) Hướng dẫn nghiên cứu sinh chuẩn bị bài luận nghiên cứu trong quá trình đăng ký dự tuyển vào chương trình đào tạo tiến sĩ;

c) Duyệt kế hoạch học tập của nghiên cứu sinh khi nhập học;

d) Hướng dẫn nghiên cứu sinh thực hiện tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ, nghiên cứu khoa học và công bố kết quả nghiên cứu;

c) Hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu khoa học;

d) Nhận xét về tình hình học tập kết quả đạt được của nghiên cứu sinh cùng các kiến nghị (nếu có) trong báo cáo định kỳ gửi Đơn vị chuyên môn hàng năm;

e) Xét duyệt và thông qua các công bố khoa học, kết quả nghiên cứu và nội dung luận án đã đáp ứng đúng và đầy đủ các điều kiện được đăng ký bảo vệ luận án tiến sĩ theo quy định của ĐHQG-HCM và Trường ĐH KHTN;

f) Đề nghị Đơn vị chuyên môn phụ trách ngành, Nhà trường xem xét: điều chỉnh hướng nghiên cứu đề tài luận án của nghiên cứu sinh; bổ sung hoặc thay đổi giảng viên hướng dẫn; rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập; nghỉ học tạm thời.

g) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của Nhà trường.

Điều 18. Nhiệm vụ và quyền của nghiên cứu sinh

1. Thực hiện quy định tại các Điều 60, Điều 61 Luật Giáo dục đại học, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

2. Đăng ký kế hoạch học tập gửi Phòng Đào tạo Sau đại học sau khi nhập học 2 tháng. Thực hiện đúng kế hoạch học tập và nghiên cứu khoa học đã đăng ký.

3. Trong quá trình học tập nghiên cứu sinh phải tham gia đầy đủ các sinh hoạt học thuật theo quy định của Đơn vị chuyên môn phụ trách ngành;

4. Định kỳ hàng năm (tháng 10) báo cáo tiến độ, kết quả đạt được theo quy định của Nhà trường;

5. Được tiếp cận các nguồn tài liệu, sử dụng thư viện, các trang thiết bị thí nghiệm phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận án;

6. Trong quá trình thực hiện đề tài luận án, nghiên cứu sinh phải công bố hoặc được chấp nhận công bố các bài báo khoa học theo quy định hiện hành (nghiên cứu sinh là tác giả chính: tác giả đứng tên đầu, tác giả liên hệ); có ghi tên Trường ĐH KHTN và tên ĐHQG-HCM); các bài báo khoa học này phải được thông qua và được tập thể cán bộ hướng dẫn chấp thuận trước khi tiến hành thủ tục đăng bài;

7. Trong quá trình học tập, nghiên cứu sinh phải dành thời gian tham gia các hoạt động chuyên môn, trợ giảng, nghiên cứu, hướng dẫn sinh viên thực tập hoặc nghiên cứu khoa học tại cơ sở đào tạo theo sự phân công của đơn vị chuyên môn;

8. Trong quá trình học tập và thực hiện luận án, nghiên cứu sinh phải thường xuyên làm việc chuyên môn với tập thể giảng viên hướng dẫn và theo kế hoạch học tập, nghiên cứu do giảng viên hướng dẫn quy định;

9. Tuân thủ các quy định học thuật khác theo quy định của Đơn vị chuyên môn phụ trách ngành (công bố khoa học, báo cáo seminar học thuật định kỳ, lịch học các học phần tiến sĩ, lịch báo cáo tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ.v.v.);

10. Nghiên cứu sinh không được tìm hiểu hoặc tiếp xúc với phản biện độc lập, không được liên hệ hoặc gặp gỡ với thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường trước khi bảo vệ luận án;

11. Nghiên cứu sinh được tiếp cận các nguồn tài liệu, sử dụng thư viện, các trang thiết bị thí nghiệm phục vụ học tập, nghiên cứu;

12. Nghiên cứu sinh được đề nghị Đơn vị chuyên môn phụ trách ngành, Nhà trường xem xét: điều chỉnh hướng nghiên cứu đề tài, bổ sung hoặc thay đổi giảng viên hướng dẫn, rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập, nghỉ học tạm thời, chuyển cơ sở đào tạo;

13. Nghiên cứu sinh có trách nhiệm nộp học phí và các chi phí khác đúng thời hạn và quy định của Nhà trường;

14. Nghiên cứu sinh có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Nhà trường.

Điều 19. Trách nhiệm của Đơn vị chuyên môn và Giảng viên phụ trách ngành đào tạo

1. Xây dựng chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQG-HCM thông qua Hội đồng Khoa học cấp khoa hoặc cấp tương đương xác định chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ trước khi trình Hiệu trưởng phê duyệt;

2. Đề xuất danh mục tạp chí, hội nghị tương đương danh mục tạp chí, hội nghị của Hội đồng giáo sư nhà nước thông qua Hội đồng Khoa học cấp khoa hoặc cấp tương đương xét duyệt trước khi trình Hiệu trưởng phê duyệt.

3. Phối hợp với Khoa đề xuất thành viên Tiểu ban chuyên môn đánh giá chấm điểm tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ. Đề xuất thành viên Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ các cấp;

4. Xây dựng kế hoạch tổ chức giảng dạy học phần tiến sĩ và thông báo đến giảng viên và người học;

5. Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ cho giảng viên và nghiên cứu sinh; Quy định lịch báo cáo định kỳ ít nhất hai lần một năm (bao gồm báo cáo tiểu luận tổng quan và chuyên đề tiến sĩ) để nghiên cứu sinh báo cáo kết quả học tập và nghiên cứu; trao đổi với tập thể cán bộ hướng dẫn để nắm tình hình học tập, tiến độ nghiên cứu, kết quả đào tạo và đề nghị Hiệu trưởng quyết định việc tiếp tục học tập và nghiên cứu đối với từng nghiên cứu sinh;

6. Thông qua kế hoạch học tập và nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh; tạo điều kiện, hỗ trợ, đôn đốc, giám sát và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch;

7. Quản lý nghiên cứu sinh trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học tại đơn vị chuyên môn; Có các biện pháp quản lý và thực hiện quản lý chặt chẽ nghiên cứu sinh trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu;

8. Phối hợp với Phòng Đào tạo Sau đại học tiến hành các thủ tục xét duyệt điều chỉnh đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo, chuyển cơ sở đào tạo của nghiên cứu sinh trước khi trình Hiệu trưởng phê duyệt;

9. Phối hợp với Phòng Đào tạo Sau đại học tổ chức đánh giá luận án tiến sĩ các cấp của nghiên cứu sinh; xét duyệt các công bố khoa học và nội dung luận án của nghiên cứu sinh trước khi thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Đơn vị chuyên môn;

10. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của Hiệu trưởng.

Điều 20. Trách nhiệm của Phòng Đào tạo Sau đại học

1. Xây dựng, ban hành và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo quy định chi tiết về tổ chức đào tạo và cấp bằng trình độ tiến sĩ căn cứ những quy định của Bộ GD&ĐT, ĐHQG-HCM và các quy định hiện hành;

2. Tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho nghiên cứu sinh quy định của cơ sở đào tạo và những quy định liên quan khác trước khi bắt đầu khóa học;

3. Phối hợp với Đơn vị chuyên môn tổ chức đào tạo chương trình tiến sĩ và cấp bằng tiến sĩ theo đúng quy định hiện hành của ĐHQG-HCM và Nhà trường;

4. Thực hiện trách nhiệm của cơ sở đào tạo trong công tác bảo đảm chất lượng, kiểm định chất lượng theo quy định hiện hành;

5. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của cơ sở đào tạo trong hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 41 Luật Giáo dục đại học, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

6. Thực hiện các biện pháp tăng cường liêm chính học thuật, kiểm soát chống sao chép và áp dụng những biện pháp xử lý khi vi phạm, đảm bảo tính trung thực của nội dung những luận án tiến sĩ đã bảo vệ tại cơ sở đào tạo;

7. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về đào tạo tiến sĩ bao gồm: danh sách nghiên cứu sinh hằng năm; các đề tài nghiên cứu đã và đang thực hiện; danh sách nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ, toàn văn và tóm tắt luận án đã hoàn chỉnh sau đánh giá của Hội đồng cấp cơ sở đào tạo. Cơ sở đào tạo công bố công khai các thông tin liên quan về đào tạo, cấp bằng tiến sĩ, các điều kiện bảo đảm chất lượng trên trang thông tin điện tử của đơn vị mình theo quy định.

8. Lưu trữ và bảo quản hồ sơ theo quy định hiện hành về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục và pháp luật liên quan.

9. Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn trong năm, báo cáo ĐHQG-HCM danh sách trích ngang nghiên cứu sinh đã hoàn thiện hồ sơ quá trình đào tạo và luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo trong 02 tháng trước đó; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ trước ngày 20 tháng 12 hằng năm và đột xuất theo yêu cầu.

10. Xây dựng chính sách thúc đẩy bình đẳng giới trong tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ nhằm góp phần thực hiện mục tiêu của chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

11. Hằng năm có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy định về tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cấp bằng trình độ tiến sĩ.

12. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của Hiệu trưởng.

a) Tư vấn đề Hiệu trưởng ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh, đề tài luận án, ngành học, người hướng dẫn và thời gian đào tạo chính thức của nghiên cứu sinh; quyết định xử lý những thay đổi trong quá trình đào tạo nghiên cứu sinh như thay đổi đề tài, người hướng dẫn, thời gian đào tạo, hình thức đào tạo hay chuyển cơ sở đào tạo cho nghiên cứu sinh.

b) Tổ chức và quản lý đào tạo theo chương trình đào tạo đã được Hiệu trưởng phê duyệt. Tạo điều kiện về mặt hành chính để Nghiên cứu sinh được đi thực tập, tham gia hội nghị khoa học quốc tế.

c) Phối hợp với Đơn vị chuyên môn phụ trách ngành đào tạo tổ chức cho Nghiên cứu sinh bảo vệ luận án các cấp theo đúng quy định của ĐHQG-HCM và Nhà trường.

d) Quản lý quá trình đào tạo, học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh; quản lý việc thi và công nhận các học phần, cấp bằng điểm học tập cho nghiên cứu sinh; quản lý việc cấp bằng tiến sĩ theo qui định.

đ) Quản lý website phục vụ công tác đào tạo trình độ tiến sĩ đảm bảo công bố công khai, cập nhật và duy trì thường xuyên thông tin về các luận án tiến sĩ (tóm tắt luận án bằng tiếng Việt, giới thiệu luận án bằng tiếng Anh từ khi chuẩn bị bảo vệ) danh sách nghiên cứu sinh hàng năm; các đề tài luận án đang thực hiện; danh sách nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ.

Chương 5

ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 21. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

1. Là báo cáo khoa học tổng hợp kết quả học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh, thể hiện nghiên cứu sinh có khả năng độc lập nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới có giá trị làm gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề xuất những ý tưởng, giải pháp mới giải quyết những vấn đề đang đặt ra ở lĩnh vực nghiên cứu trong những hoàn cảnh thực tiễn cụ thể;

2. Đáp ứng quy định của Nhà trường, ngành đào tạo về mục đích, nội dung, khối lượng, chất lượng luận án.

3. Hình thức, cách trình bày luận án được thực hiện theo hướng dẫn tại **Phụ lục 1**; Trích dẫn và danh mục tài liệu tham khảo được thực hiện theo hướng dẫn tại **Phụ lục 2**; Hình thức, cách trình bày tóm tắt luận án được thực hiện theo hướng dẫn tại **Phụ lục 3**.

4. Ngôn ngữ để viết và trình bày luận án là tiếng Việt. Trường hợp chọn tiếng Anh để viết luận án, nghiên cứu sinh cần có văn bản đề nghị và phải được Hiệu trưởng phê duyệt. Việc trình bày báo cáo luận án bằng tiếng Anh chỉ được thực hiện khi thành viên Hội đồng có người nước ngoài.

5. Tuân thủ quy định về kiểm soát đạo văn, liêm chính học thuật và thực hiện đúng các quy định khác của pháp luật về sở hữu trí tuệ:

a) Trích dẫn đầy đủ và ghi rõ nguồn tham khảo các kết quả nghiên cứu của các tác giả (nếu có).

b) Trường hợp luận án sử dụng kết quả các công trình khoa học của tập thể nghiên cứu thì phải có văn bản đồng ý của các tác giả khác cho phép nghiên cứu sinh được sử dụng kết quả của nhóm nghiên cứu.

c) Tuân thủ các quy định khác của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

6. Danh mục tài liệu tham khảo được trình bày theo thông lệ quốc tế. Tài liệu tham khảo bao gồm các tài liệu trích dẫn, sử dụng và đề cập trong luận án. Khi sử dụng kết quả của nguồn tài liệu khác, ngay cả khi không sử dụng nguyên văn, nghiên cứu sinh phải thực hiện trích dẫn đúng quy định.

7. Công bố khoa học của nghiên cứu sinh phải được công bố trong các tạp chí thuộc ngành, liên ngành phù hợp với ngành đào tạo của nghiên cứu sinh do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định. Các trường hợp công bố khoa học không đúng quy định về tạp chí ngành, liên ngành phù hợp được xử lý như sau:

a) Nếu phát hiện trước khi bảo vệ cấp Đơn vị chuyên môn, luận án sẽ không được duyệt bảo vệ. Nghiên cứu sinh cần bổ sung cập nhật công bố khoa học mới đúng quy định và xin ý kiến Đơn vị chuyên môn xem xét trước khi Hiệu trưởng duyệt cho phép bảo vệ luận án.

b) Nếu phát hiện khi bảo vệ cấp Đơn vị chuyên môn, Hội đồng đánh giá luận án không đạt và đề nghị cho phép bảo vệ lại luận án sau khi nghiên cứu sinh bổ sung công bố khoa học mới đúng quy định hoặc không cho phép nghiên cứu sinh bảo vệ lại luận án tùy theo mức độ vi phạm. Hiệu trưởng sẽ quyết định hình thức xử lý căn cứ theo đề xuất của Hội đồng đánh giá luận án và thời gian học tập còn lại của nghiên cứu sinh.

c) Nếu phát hiện sau khi bảo vệ cấp Đơn vị chuyên môn hoặc trong thời gian phản biện độc lập, Phòng Đào tạo Sau đại học sẽ lấy ý kiến của Đơn vị chuyên môn và Khoa phụ trách ngành trước khi trình Hiệu trưởng quyết định hủy bỏ kết quả bảo vệ luận án tiến sĩ cấp Đơn vị chuyên môn cũng như hủy bỏ kết quả phản biện độc lập (nếu đã gửi phản biện độc lập) và tiến hành quy trình đăng ký bảo vệ luận án cấp Đơn vị chuyên môn từ đầu nếu còn thời gian học tập, với thành phần Hội đồng có thể thay đổi 1/3 thành viên so với thành phần Hội đồng lần đầu (chủ tịch và thư ký không thay đổi). Nếu hết thời gian học tập kể cả thời gian gia hạn thì nghiên cứu sinh sẽ bị buộc thôi học.

d) Nếu phát hiện khi bảo vệ cấp Cơ sở đào tạo, Hội đồng đánh giá luận án không đạt và đề nghị cho phép bảo vệ lại luận án sau khi nghiên cứu sinh bổ sung công bố khoa học mới đúng quy định hoặc không cho phép nghiên cứu sinh bảo vệ lại luận án tùy theo mức độ vi phạm. Hiệu trưởng sẽ quyết định hình thức xử lý căn cứ theo đề xuất của Hội đồng đánh giá luận án và thời gian học tập còn lại của nghiên cứu sinh.

e) Nếu phát hiện sau khi bảo vệ cấp Cơ sở đào tạo, Phòng Đào tạo Sau đại học sẽ lấy ý kiến của Đơn vị chuyên môn và Khoa phụ trách ngành trước khi trình Hiệu trưởng xử lý theo một trong hai hình thức sau:

- Hủy bỏ kết quả bảo vệ luận án tiến sĩ cấp Cơ sở đào tạo, cấp Đơn vị chuyên môn, phản biện độc lập và tiến hành quy trình đăng ký bảo vệ luận án từ đầu (bao gồm cả 3 cấp) sau khi nghiên cứu sinh đã bổ sung công bố khoa học mới đúng quy định và còn thời gian học tập.

- Hủy bỏ kết quả bảo vệ luận án tiến sĩ các cấp nếu nghiên cứu sinh hết thời gian đào tạo kể cả thời gian gia hạn. Nghiên cứu sinh bị buộc thôi học.

8. Đáp ứng quy định tại khoản 4.6 Điều 10 và khoản 8, Điều 14 của Quy định này;

Điều 22. Đánh giá luận án và phân công tổ chức đánh giá luận án

1. Luận án được đánh giá qua 3 cấp:

- a) Đánh giá luận án cấp Đơn vị chuyên môn;
- b) Phản biện độc lập luận án;
- c) Đánh giá luận án cấp Cơ sở đào tạo.

2. Đơn vị chuyên môn phối hợp Phòng Đào tạo Sau đại học tổ chức xét duyệt và đánh giá luận án cấp Đơn vị chuyên môn và cấp Cơ sở đào tạo; Phòng Đào tạo Sau đại học trực tiếp thực hiện mời phản biện độc lập theo chỉ đạo của Hiệu trưởng.

Điều 23. Đánh giá luận án cấp Đơn vị chuyên môn

1. Điều kiện để nghiên cứu sinh được đăng ký bảo vệ luận án cấp Đơn vị chuyên môn:

- a) Đã hoàn chương trình đào tạo quy định tại Điều 10 của Quy định này;
- b) Đã hoàn thành luận án và đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 22 của Quy định này;
- c) Đã công bố công trình khoa học theo quy định tại Điều 9 của Quy định này;
- d) Đã thực hiện các nhiệm vụ của nghiên cứu sinh theo quy định tại Điều 19 của Quy định này;
- e) Tập thể giảng viên hướng dẫn (kể cả giảng viên là người nước ngoài) có văn bản nhận xét chất lượng luận án; tinh thần, thái độ, kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh và đề nghị cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án;
- f) Đã được Đơn vị chuyên môn góp ý, đánh giá thông qua ít nhất 1 lần trong buổi seminar chuyên môn (nếu có, theo quy định của Đơn vị chuyên môn).
- g) Nghiên cứu sinh không bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên
- h) Đơn vị chuyên môn xem xét hồ sơ đăng ký bảo vệ của nghiên cứu sinh
 - Nếu hồ sơ luận án đạt yêu cầu, Đơn vị chuyên môn sẽ đề xuất danh sách thành viên tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp Đơn vị chuyên môn.
 - Nếu hồ sơ luận án đạt chưa yêu cầu, Đơn vị chuyên môn trả hồ sơ để nghiên cứu sinh bổ sung và hoàn chỉnh hồ sơ đăng ký bảo vệ luận án.

2. Tổ chức đánh giá luận án tiến sĩ cấp Đơn vị chuyên môn

- a) Sau khi nghiên cứu sinh đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Phòng Đào tạo Sau đại học kiểm tra hồ sơ và tiến hành các thủ tục trình Hiệu trưởng phê duyệt quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Đơn vị chuyên môn.
- b) Đơn vị chuyên môn phối hợp cùng Phòng Đào tạo Sau đại học tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án.
- c) Số lượng nhà khoa học được mời tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp Đơn vị chuyên môn tối thiểu là 05 người có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; có sự tham gia của ít nhất 02 nhà khoa học ngoài Trường ĐH KHTN.
- d) Đại diện tập thể cán bộ hướng dẫn nghiên cứu sinh có thể được mời tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn với tư cách là ủy viên.
- e) Những người không được tham gia đánh giá luận án: người thân (cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột) của nghiên cứu sinh, cấp dưới trực tiếp của nghiên cứu sinh, đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án (ngoại trừ tập thể giảng viên hướng dẫn).
- f) Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, hai phản biện và các ủy viên hội đồng. Mỗi thành viên hội đồng chỉ đảm trách một nhiệm vụ trong hội đồng.
- g) Luận án được gửi đến thành viên hội đồng trước thời gian tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án ít nhất 20 ngày làm việc. Các thành viên hội đồng viết nhận xét luận án trước khi dự phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án (kể cả giảng viên hướng dẫn tham gia hội đồng với vai trò ủy viên).

h) Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Vắng mặt chủ tịch hội đồng.
- Vắng mặt thư ký hội đồng.
- Vắng mặt phản biện hoặc thành viên có ý kiến không tán thành luận án.
- Vắng mặt 1/5 hoặc 2/6 hoặc 3/7 thành viên trở lên.

i) Việc đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn là một hình thức sinh hoạt khoa học được tổ chức 01 lần hoặc nhiều lần, hỗ trợ nghiên cứu sinh hoàn thiện luận án trước khi bảo vệ chính thức nếu còn thời gian học tập theo quy định.

j) Luận án được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp Cơ sở đào tạo khi có tối thiểu 4/5 hoặc 5/6 hoặc 6/7 thành viên Hội đồng thông qua.

- Biên bản họp hội đồng cần xác định tên đề tài luận án tiên sĩ.
- Sau khi luận án được Hội đồng cấp Đơn vị chuyên môn thông qua, trong thời gian không quá 60 ngày làm việc, nghiên cứu sinh hoàn thiện luận án để tiến hành lấy ý kiến phản biện độc lập luận án.
- Luận án sau khi chỉnh sửa theo góp ý của Hội đồng phải có văn bản thuyết minh chỉnh sửa luận án (nếu có) đã được tập thể giảng viên hướng dẫn và Chủ tịch hội đồng xác nhận thông qua trước khi nộp hồ sơ gửi phản biện độc lập cho Phòng Đào tạo Sau đại học.

k) Nếu luận án chưa được Hội đồng thông qua (ít hơn 4/5 hoặc 5/6 hoặc 6/7 thành viên Hội đồng không thông qua), Hội đồng sẽ đề nghị thời gian cần thiết đủ để nghiên cứu sinh bổ sung, hoàn chỉnh luận án. Trường hợp này Hội đồng sẽ họp lần 2, thành viên Hội đồng đánh giá lần sau phải đảm bảo trùng tối thiểu hai phần ba (2/3) thành viên trong Hội đồng đã tham gia ở lần đánh giá trước. Trong đó phải có mặt những người có ý kiến chưa đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp cơ sở đào tạo.

Điều 24. Phản biện độc lập

1. Luận án của nghiên cứu sinh được gửi lấy ý kiến của 02 phản biện độc lập trước khi được đánh giá cấp Cơ sở đào tạo. Ý kiến của phản biện độc lập có vai trò tư vấn cho Nhà trường trong việc xem xét đánh giá chất lượng của luận án tiên sĩ và quyết định cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Cơ sở đào tạo.

2. Phản biện độc lập là những nhà khoa học, chuyên gia, ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài có kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu của luận án; có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiên sĩ; đáp ứng tiêu chuẩn như đối với người hướng dẫn chính quy định tại Điều 18 của Quy định này, đồng thời đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Hai phản biện độc lập ở 2 cơ quan khác nhau và ngoài Trường ĐH KHTN. Người đã nghỉ hưu, cơ quan công tác được tính là đơn vị ban hành quyết định nghỉ hưu hoặc đơn vị công tác mới của giảng viên đã nghỉ hưu.

b) Không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột với nghiên cứu sinh và người hướng dẫn;

b) Không có lợi ích liên quan trực tiếp tới nghiên cứu sinh và người hướng dẫn; không là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án, không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ nghiên cứu sinh và người hướng dẫn trong quá trình hoàn thiện luận án.

3. Thời gian thực hiện phản biện độc lập trong vòng 06 tháng tính từ ngày nghiên cứu sinh nộp đầy đủ các hồ sơ để phản biện độc lập theo quy định của Nhà trường; trong trường hợp phải thực hiện lấy ý kiến 03 phản biện độc lập hoặc lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai thì thời gian được kéo dài thêm tối đa 03 tháng.

4. Thời gian phản hồi ý kiến nhận xét của phản biện theo thời hạn trong thư mời phản biện. Sau 30 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn theo thư mời, nếu không nhận được bản nhận xét luận án, Nhà trường sẽ mời phản biện độc lập khác thay thế.

5. Cho đến khi có quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Cơ sở đào tạo, danh sách phản biện độc lập là tài liệu mật; Đơn vị chuyên môn, người hướng dẫn và nghiên cứu sinh không được tìm hiểu về phản biện độc lập; các phản biện độc lập phải có trách nhiệm bảo mật nhiệm vụ, chức trách của mình, không tiếp xúc với nghiên cứu sinh hay người hướng dẫn.

6. Xử lý kết quả phản biện độc lập:

a) Luận án được đưa ra bảo vệ cấp Cơ sở đào tạo nếu được 02 người phản biện độc lập đồng ý tán thành.

b) Nếu có 01 người phản biện không đồng ý, Nhà trường gửi luận án để lấy ý kiến của thêm 01 người phản biện độc lập thứ ba. Trường hợp phản biện thứ ba đồng ý thì luận án được đưa ra bảo vệ cấp Cơ sở đào tạo.

c) Trong trường hợp có 02 người phản biện độc lập lần đầu không đồng ý hoặc người phản biện thứ ba không đồng ý về chất lượng chuyên môn của luận án, Nhà trường yêu cầu nghiên cứu sinh và người hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung luận án và triển khai quy trình gửi lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai.

d) Nếu kết quả phản biện độc lập lần thứ hai không đạt, luận án bị trả về nghiên cứu sinh để chỉnh sửa luận án và Đơn vị chuyên môn tiến hành xét duyệt bảo vệ lại luận án cấp Đơn vị chuyên môn.

e) Không thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ ba.

7. Điều kiện được miễn quy trình phản biện độc lập bằng minh chứng các công trình công bố quốc tế:

a) Nghiên cứu sinh được xét miễn quy trình phản biện độc lập khi thỏa điều kiện về công bố khoa học như sau (áp dụng đối với cả 2 Phương thức đào tạo): Là tác giả chính của ít nhất 03 báo cáo hội nghị khoa học, bài báo tạp chí khoa học được công bố trong ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus hoặc tương đương, trong đó có ít nhất 01 bài Q2 (hoặc Hội nghị được xếp hạng B theo bảng xếp hạng uy tín) trở lên, có nội dung phù hợp với đề tài nghiên cứu và nội dung của luận án.

c) Đơn vị chuyên môn xét duyệt xếp hạng tạp chí, Hội đồng đánh giá luận án cấp Đơn vị chuyên môn thẩm định sự phù hợp nội dung các bài báo với đề tài nghiên cứu của luận án và xếp hạng của các tạp chí. Hiệu trưởng xem xét miễn quy trình phản biện độc lập căn cứ đề xuất của Đơn vị chuyên môn và Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn.

Điều 25. Đánh giá luận án cấp Cơ sở đào tạo

1. Điều kiện để nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp Cơ sở đào tạo (cấp CSĐT)

a) Luận án được Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn đề nghị đưa ra đánh giá ở cấp cơ sở đào tạo;

b) Luận án của nghiên cứu sinh được các phản biện độc lập theo quy định tại Điều 25 của Quy định này tán thành (Hoặc được miễn quy trình phản biện độc lập bằng minh chứng các công trình công bố quốc tế).

c) Tuân thủ quy định của Nhà trường và hình thức trình bày luận án, tóm tắt luận án. Minh bạch nguồn tham khảo kết quả nghiên cứu và thực hiện đúng các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.

d) Nghiên cứu sinh không bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên

2. Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo

a) Số lượng thành viên Hội đồng: Hội đồng gồm tối thiểu 05 thành viên; trong đó số thành viên chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ khoa học không quá 02 người, số thành viên ngoài cơ sở đào tạo tối thiểu là 02 người.

b) Thành phần Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, 02 phản biện đối với Hội đồng 05 thành viên, hoặc 03 phản biện đối với Hội đồng trên 05 thành viên, và các ủy viên; trong đó có 01 phản biện là người của Trường ĐH KHTN, các phản biện còn lại là người thuộc các đơn vị khác nhau ngoài Trường ĐH KHTN.

c) Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng:

- Tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của thành viên Hội đồng như tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của người hướng dẫn chính trừ thư ký Hội đồng phải đáp ứng như quy định đối với giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ;

- Chủ tịch Hội đồng phải là giáo sư hoặc phó giáo sư có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án, là giảng viên hoặc nghiên cứu viên cơ hữu của Trường ĐH KHTN;

- Phản biện không được là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong những công trình công bố có liên quan đến luận án.

d) Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột của nghiên cứu sinh không tham gia Hội đồng;

e) 01 người dẫn nghiên cứu sinh có thể tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo với tư cách là ủy viên.

3. Tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp Cơ sở đào tạo

Ngoại trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 27 của Quy định này. Tất cả luận án tiến sĩ đều được tổ chức đánh giá công khai theo quy định như sau:

a) Phòng Đào tạo Sau đại học phối hợp Đơn vị chuyên môn thực hiện công tác chuẩn bị và tổ chức đánh giá luận án của nghiên cứu sinh tại Trường ĐH KHTN. Nghiên cứu sinh không tham gia vào quá trình chuẩn bị tổ chức bảo vệ luận án, không tiếp xúc với các thành viên hội đồng trước khi bảo vệ luận án;

b) Phòng Đào tạo sau đại học sẽ gửi hồ sơ luận án đến các thành viên trong Hội đồng để xin ý kiến nhận xét ít nhất 30 ngày làm việc trước khi tiến hành họp hội đồng đánh giá luận án;

- Các thành viên hội đồng cần có nhận xét về luận án bằng văn bản gửi đến Thư ký hội đồng hoặc Phòng Đào tạo sau đại học ít nhất 15 ngày trước buổi bảo vệ luận án;

- Nếu các thành viên hội đồng cho phép nghiên cứu sinh bảo vệ luận án thì Đơn vị chuyên môn sẽ thống nhất với các thành viên hội đồng xác định ngày họp chính thức;

- Nếu có thành viên chưa đồng ý cho phép bảo vệ luận án thì Thư ký xin ý kiến Chủ tịch hội đồng để xem xét việc cho phép nghiên cứu sinh bảo vệ luận án chính thức;
- Các trường hợp đặc biệt khác, Hiệu trưởng sẽ xem xét và quyết định biện pháp xử lý.

c) Chậm nhất 30 ngày trước ngày bảo vệ, Phòng Đào tạo Sau đại học đăng tóm tắt và toàn văn luận án, trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh trên trang thông tin điện tử của Trường ĐH KHTN;

d) Chậm nhất 10 ngày trước ngày bảo vệ, Phòng Đào tạo Sau đại học công bố công khai trên trang thông tin điện tử của trường ĐH KHTN về thời gian, địa điểm tổ chức đánh giá luận án;

e) Không tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Vắng mặt chủ tịch hoặc thư ký hoặc có từ 02 thành viên Hội đồng trở lên vắng mặt;
- Vắng mặt thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận án;
- Có ít nhất 02 thành viên phản biện có ý kiến không tán thành luận án. Trường hợp này Phòng Đào tạo Sau đại học xin ý kiến Hiệu trưởng tổ chức buổi họp trừ bị gồm Chủ tịch, Thư ký, 02 phản biện không tán thành luận án và người phụ trách ngành đào tạo để xem xét thảo luận chất lượng luận án. Biên bản họp cần có kết luận theo một trong hai hướng như sau:

- Cho phép nghiên cứu sinh chỉnh sửa, bổ sung ý kiến nhận xét theo góp ý của phản biện có ý kiến không tán thành. Nghiên cứu sinh cần gửi lại phản biện có ý kiến không tán thành luận án văn bản giải trình về những nội dung chỉnh sửa cùng luận án mới để phản biện xem xét và có văn bản nhận xét mới về chất lượng luận án. Thời gian chỉnh sửa luận án không quá 30 ngày kể từ ngày có kết luận của Chủ tịch hội đồng. Sau khi có nhận xét mới của 02 phản biện, Phòng Đào tạo Sau đại học tiến hành tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án.

- Luận án trả về Đơn vị chuyên môn để hướng dẫn nghiên cứu sinh chỉnh sửa luận án và tổ chức bảo vệ lại ở cấp Đơn vị chuyên môn. Nghiên cứu sinh chỉ được phép trình lại hồ sơ đề nghị bảo vệ cấp Cơ sở đào tạo sớm nhất sau 06 tháng và muộn nhất 02 năm, kể từ ngày trả luận án về Đơn vị chuyên môn. Khi trình lại hồ sơ, luận án phải được lấy ý kiến của các phản biện độc lập như lần thứ nhất và Hội đồng đánh giá luận án cấp Cơ sở đào tạo phải có phản biện không tán thành luận án lần thứ nhất.

f) Phòng Đào tạo Sau đại học có trách nhiệm chuẩn bị các mẫu biểu hồ sơ đề Hội đồng làm việc và gửi cho Thư ký Hội đồng trước ngày bảo vệ ít nhất 7 ngày làm việc;

g) Trong thời gian tối đa 60 ngày kể từ ngày Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án có hiệu lực, Hội đồng phải tiến hành họp đánh giá luận án;

h) Trong trường hợp cần thiết (vì lý do khách quan hoặc có thành viên đề nghị không tham gia Hội đồng), Hiệu trưởng quyết định việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng theo đề xuất của Đơn vị chuyên môn. Thời hạn liên quan đến hoạt động của Hội đồng được tính từ ngày quyết định cuối cùng về việc thay đổi thành viên Hội đồng có hiệu lực;

i) Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu tán thành hoặc không tán thành. Phiếu trắng được coi là phiếu không tán thành. Luận án đạt yêu cầu khi có ít nhất 4/5 hoặc 5/6 hoặc 6/7 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá luận án bỏ phiếu tán thành;

j) Việc tán thành hay không tán thành được thể hiện qua mức đánh giá trên phiếu đánh giá luận án “Đạt” hoặc “Không đạt”;

k) Hội đồng có quyết nghị thông qua hoặc không thông qua luận án; yêu cầu những nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung nếu cần thiết trong trường hợp thông qua; kiến nghị hoặc không kiến nghị tổ chức đánh giá lại trong trường hợp không thông qua;

l) Diễn biến của phiên họp đánh giá luận án phải được ghi thành biên bản chi tiết do Phòng Đào tạo Sau đại học chuẩn bị;

m) Thời gian để nghiên cứu sinh hoàn thành việc bổ sung, chỉnh sửa luận án theo quyết nghị của Hội đồng (nếu có) là 60 ngày kể từ ngày họp Hội đồng. Nghiên cứu sinh trình giảng viên hướng dẫn và Chủ tịch hội đồng quyền luận án đã chỉnh sửa cùng văn bản thuyết minh chi tiết các nội dung đã chỉnh sửa, bổ sung để xem xét và xác nhận thông qua luận án;

n) Luận án sau khi được Chủ tịch hội đồng, tập thể giảng viên hướng dẫn ký xác nhận thông qua theo góp ý của thành viên Hội đồng (nếu có) hoặc không yêu cầu chỉnh sửa luận án. Nhà trường sẽ thông báo cho phép nghiên cứu sinh nộp lưu quyền luận án tại Thư viện Trường ĐH KHTN, Thư viện khoa học tổng hợp TP.HCM, Thư viện Trung tâm ĐHQG-HCM. Thời gian nghiên cứu sinh hoàn thành việc nộp lưu thư viện tối đa 10 ngày kể từ ngày Phòng Đào tạo Sau đại học cung cấp hồ sơ bảo vệ để nộp Thư viện;

o) Trường hợp tổ chức đánh giá luận án trực tuyến phải đảm bảo có ít nhất 03 thành viên Hội đồng có mặt trực tiếp tại Trường ĐH KHTN cùng nghiên cứu sinh; trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh bất khả kháng thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của ĐHQG-HCM.

Điều 26. Bảo vệ luận án theo chế độ mật

Việc bảo vệ luận án theo chế độ mật được thực hiện theo Điều 17 của Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT, ngày 28/06/2021 do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Điều 27. Bảo vệ lại luận án cấp Cơ sở đào tạo.

1. Trong trường hợp luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo thông qua ở buổi bảo vệ lần thứ nhất nhưng được Hội đồng kiến nghị cho phép bảo vệ lại, chậm nhất không quá 06 tháng tính từ ngày bảo vệ luận án cấp cơ sở đào tạo lần thứ nhất, Hiệu trưởng xem xét thành lập Hội đồng đánh giá và tổ chức cho nghiên cứu sinh bảo vệ lần thứ hai, nếu còn thời gian học tập cho phép.

a) Thành viên Hội đồng đánh giá luận án lần thứ hai phải đảm bảo trùng tối thiểu hai phần ba (2/3) thành viên trong Hội đồng đã tham gia ở lần thứ nhất. Trong đó có đủ những thành viên có ý kiến không tán thành luận án ở lần thứ nhất.

b) Trình tự, thủ tục bảo vệ luận án lần thứ hai giống như trình tự, thủ tục bảo vệ luận án lần thứ nhất, trong đó có đơn đăng ký bảo vệ lần thứ 2 của nghiên cứu sinh phải được tập thể giảng viên hướng dẫn thông qua trước khi nộp cho Đơn vị chuyên môn phụ trách ngành.

2. Không tổ chức đánh giá lại luận án khi không có kiến nghị của Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất được ghi trong Biên bản họp Hội đồng và Quyết nghị Hội đồng.

3. Không tổ chức đánh giá luận án lần thứ ba.

Điều 28. Công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ

1. Nghiên cứu sinh được xét công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ khi đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Luận án của nghiên cứu sinh đã được Hội đồng đánh giá luận án của cơ sở đào tạo đồng ý thông qua;

b) Nghiên cứu sinh đã nộp cho Thư viện Trường ĐH KHTN, Thư viện Khoa học Tổng hợp, Thư viện Trung tâm ĐHQG-HCM (cả bản in và bản điện tử) tóm tắt luận án và toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, xác nhận của người hướng dẫn; xác nhận Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án sau khi đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án (nếu có);

2. Nhà trường đăng toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng của nghiên cứu sinh trên trang thông tin điện tử của Thư viện Trường ĐH KHTN (trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật) trong thời gian 03 tháng kể từ khi nghiên cứu sinh đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều 29 này.

3. Nếu là trường hợp cần thẩm định hồ sơ đào tạo hoặc chất lượng luận án theo thông báo của ĐHQG-HCM hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo thì việc xét cấp bằng tiến sĩ khi kết quả thẩm định phải đạt yêu cầu theo quy định; hoặc đã hết thời hạn thẩm định nhưng chưa nhận được kết quả thẩm định của ĐHQG-HCM hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Sau thời hạn quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 29 này hoặc khoản 1, khoản 4 Điều 29 này, Hiệu trưởng lập Hội đồng xét và ban hành quyết định công nhận trình độ tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

5. Nghiên cứu sinh được Hội đồng Trường xét công nhận trình độ và được ĐHQG-HCM phê duyệt cấp phôi văn bằng tiến sĩ, Hiệu trưởng quyết định cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

6. Nhà trường tổ chức lễ trao bằng tiến sĩ mỗi năm 1 lần. Trong khi chờ thực hiện thủ tục cấp bằng, Nhà trường sẽ cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp chương trình tiến sĩ để nghiên cứu sinh sử dụng tạm thời.

7. Nhà trường công bố công khai các thông tin liên quan về văn bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh trên trang thông tin điện tử của Nhà trường.

8. Toàn bộ hồ sơ liên quan đến quá trình học tập, hồ sơ cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh được Nhà trường lưu trữ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Chương 6

KIỂM TRA HỒ SƠ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ THẨM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN

Điều 29. Kiểm tra hồ sơ quá trình đào tạo và thẩm định chất lượng luận án

Việc Kiểm tra hồ sơ quá trình đào tạo và thẩm định chất lượng luận án được thực hiện theo Điều 20, Điều 21 của Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT, ngày 28/06/2021 do Bộ GDĐT ban hành.

Chương 7

CHẾ ĐỘ LƯU TRỮ, BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI THÔNG TIN

KHIẾU NẠI, TỔ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 30. Chế độ lưu trữ, báo cáo và công khai thông tin

Toàn bộ hồ sơ liên quan đến quá trình học tập, hồ sơ cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh được Nhà trường lưu trữ báo cáo và công khai thông tin theo quy định tại Điều 23 của Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT, ngày 28/06/2021 do Bộ GDĐT ban hành

Điều 31. Khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và nghiên cứu sinh có quyền khiếu nại, tố cáo về những vi phạm trong tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án các cấp và cấp văn bằng tiến sĩ.

2. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định hiện hành của Trường ĐH KHTN và Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo.

3. Việc thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong công tác đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo quy định hiện hành của ĐHQG-HCM và Bộ GDĐT.

CHƯƠNG 8

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Hiệu lực thi hành, điều khoản chuyển tiếp

1. Quy định này được áp dụng đối với khóa tuyển sinh từ năm 2025.
2. Các khóa tuyển sinh từ năm 2010 đến năm 2017 áp dụng theo quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành theo quyết định số 1020/QĐ-ĐHQG-ĐH&SDH, ngày 10/9/2010 của ĐHQG-HCM; Quyết định số 317/QĐ-KHTN-SDH ngày 28/3/2011 và Quyết định số 318/QĐ-KHTN-SDH ngày 28/3/2011 của Trường ĐH KHTN;
3. Các khóa tuyển sinh từ năm 2018 đến năm 2022 áp dụng theo quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành theo quyết định số 166/QĐ-ĐHQG ngày 26/02/2018 của ĐHQG-HCM; Quyết định số 2546/QĐ-KHTN ngày 27/12/2019 và Quyết định số 2547/QĐ-KHTN ngày 27/12/2019 của Trường ĐH KHTN.
4. Các khóa tuyển sinh từ năm 2023 đến năm 2024 áp dụng theo quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành theo quyết định số 1688/QĐ-ĐHQG ngày 18/12/2022 của ĐHQG-HCM; Quyết định số 2962/QĐ-KHTN ngày 29/12/2023 của Trường ĐH KHTN

Điều 33. Tổ chức thực hiện

Căn cứ tình hình thực tế, Hiệu trưởng xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của Quy định này. Trong các trường hợp đặc biệt, Nhà trường báo cáo ĐHQG-HCM xem xét quyết định./.